

KẾ HOẠCH

Triển khai xây dựng vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ và Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định về vị trí việc làm và biên chế các cơ quan trong hệ thống chính quyền Thành phố

Thực hiện Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức (sau đây viết tắt là Nghị định số 232/2026/NĐ-CP), Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định về vị trí việc làm và biên chế các cơ quan trong hệ thống chính quyền Thành phố (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND), Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND), UBND Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai xây dựng vị trí việc làm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai thống nhất việc xác định vị trí việc làm viên chức, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực, xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp, phê duyệt vị trí việc làm và bố trí viên chức theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.

b) Rà soát, tổng hợp các trường hợp phát sinh nhiệm vụ, yêu cầu công việc chưa có vị trí việc làm tương ứng trong danh mục do Chính phủ, Bộ, ngành quy định, trên cơ sở kết quả xây dựng vị trí việc làm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP và quy định của pháp luật chuyên ngành, làm cơ sở xem xét đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới theo Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND.

c) Bảo đảm việc xây dựng, thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm và bố trí viên chức được thực hiện đúng quy định, thẩm quyền và tiến độ; việc đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới theo Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND được xem xét trên cơ sở kết quả rà soát, đối chiếu với danh mục vị trí việc làm do Chính phủ, Bộ, ngành quy định và các căn cứ theo quy định.

2. Yêu cầu

a) Tuân thủ các quy định của Đảng, Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 và Luật Viên chức số 129/2025/QH15, Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND, Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND và quy định pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, dân chủ; vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra, yêu cầu năng lực và điều kiện thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Việc xác định vị trí việc làm sử dụng tại đơn vị phải căn cứ danh mục vị trí việc làm do Chính phủ, Bộ, ngành quy định và quy định của pháp luật chuyên ngành. Không đề xuất bổ sung vị trí việc làm mới đối với trường hợp nhiệm vụ, yêu cầu công việc có thể bố trí vào vị trí việc làm đã được quy định và cụ thể hóa trong bản mô tả công việc, khung năng lực, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm.

d) Việc rà soát các trường hợp phát sinh vị trí việc làm viên chức mới chưa được Chính phủ, Bộ, ngành quy định được thực hiện gắn với quá trình xây dựng vị trí việc làm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP; kết quả rà soát là cơ sở để Sở Nội vụ tổng hợp, xem xét, hướng dẫn đơn vị lập hồ sơ đề xuất bổ sung; thẩm định hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo Điều 10 Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND.

đ) Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý vị trí việc làm, dữ liệu viên chức và theo dõi kết quả thực hiện.

II. ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố;
3. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc sở;
4. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố;
5. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường.
6. Viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập nêu trên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Rà soát, xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP

1.1. Rà soát, xác định vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp; xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực

a) Căn cứ Danh mục vị trí việc làm viên chức quản lý, Danh mục vị trí việc làm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ và Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ tại các Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP để rà soát, lựa chọn vị trí việc làm sử dụng tại đơn vị và bậc nghề nghiệp tương ứng của từng vị trí việc làm.

b) Xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP; nội dung được cụ thể hóa theo lĩnh vực chuyên môn, hoạt động nghề nghiệp và phù hợp với hướng dẫn về chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh, điều kiện hành nghề của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có).

c) Không làm phát sinh vị trí việc làm ngoài danh mục vị trí việc làm khung do Chính phủ ban hành; không thay đổi tên gọi, không chia, tách hoặc gộp vị trí việc làm trong danh mục. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định danh mục vị trí việc làm viên chức thuộc ngành, lĩnh vực thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Việc rà soát, tổng hợp nhiệm vụ, yêu cầu công việc phát sinh theo khoản 2 Mục này là đề đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo Điều 10 Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND; các cơ quan, đơn vị không tự xác định, sử dụng vị trí việc làm ngoài danh mục khung khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định.

d) Trường hợp một vị trí việc làm được quy định đồng thời trong Danh mục vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ và Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quyết định việc áp dụng một Danh mục vị trí việc làm khung phù hợp trên cơ sở xem xét các tiêu chí: Mức độ gắn với chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị; Tính chất của sản phẩm đầu ra; Yêu cầu về năng lực chuyên ngành; Vai trò trong quy trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định 232/2026/NĐ-CP.

đ) Đối với vị trí việc làm quản lý: một chức danh quản lý tương ứng với một vị trí việc làm; trường hợp có từ 02 người trở lên giữ chức danh cấp phó của người đứng đầu thì việc phân công phụ trách lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể không làm phát sinh vị trí việc làm mới, không làm thay đổi tên gọi của vị trí việc làm; vị trí việc làm quản lý phải gắn với vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ hoặc vị trí việc làm hỗ trợ phù hợp với lĩnh vực được giao phụ trách.

1.2. Xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ 10% đến dưới 70%:

- Trường hợp vị trí việc làm có bậc sử dụng cao nhất là bậc 5: tỷ lệ viên chức ở bậc 5 không vượt quá 30% tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao cho vị trí đó; tỷ lệ ở bậc thấp hơn gần nhất (bậc 4) không vượt quá 40%; tỷ lệ ở các bậc còn lại do đơn vị xác định.

- Trường hợp vị trí việc làm có bậc sử dụng cao nhất là bậc 4: tỷ lệ ở bậc 4 không vượt quá 40% tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao cho vị trí đó; tỷ lệ ở các bậc thấp hơn còn lại do đơn vị xác định.

- Trường hợp vị trí việc làm chỉ xác định sử dụng 02 bậc nghề nghiệp: tỷ lệ ở bậc cao hơn không vượt quá 50% tổng số biên chế viên chức được cấp có thẩm quyền giao cho vị trí đó.

- Tỷ lệ các bậc thấp hơn còn lại do đơn vị sự nghiệp công lập xác định cụ thể. Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp bao gồm cả viên chức quản lý và viên chức không giữ chức vụ quản lý.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% trở lên quy định tại Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND; đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức khoa học và công nghệ công lập và trường hợp khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành được quyết định vị trí việc làm: Thủ trưởng đơn vị được quyết định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm khác với tỷ lệ quy định tại điểm a nêu trên bảo đảm phù hợp với yêu cầu hoạt động và khả năng tài chính của đơn vị theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định 232/2026/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 54/2026/NQ-HĐND ngày 15/6/2026 của HĐND Thành phố quy định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể, chế độ tự chủ về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

c) Trường hợp chưa đủ số lượng theo tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm ở mỗi bậc thì số còn thiếu không được cộng vào bậc thấp hơn (liền kề hoặc không liền kề). Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm thực hiện việc điều chỉnh tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

1.3. Lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ vị trí việc làm

a) Hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm được áp dụng chung cho các đơn vị sự nghiệp công lập gồm có:

- Văn bản đề nghị phê duyệt vị trí việc làm;
- Danh mục vị trí việc làm được sử dụng trong đơn vị sự nghiệp;
- Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm;
- Các bậc nghề nghiệp được sử dụng trong từng vị trí việc làm;
- Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của UBND Thành phố gửi hồ sơ về Sở Nội vụ để thẩm định, phê duyệt theo quy định. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của sở, ban, ngành hoặc UBND xã, phường gửi cơ quan, tổ chức tham mưu về tổ chức cán bộ để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tự phê duyệt đối với các đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên từ 70% trở lên theo quy định và phân cấp.

c) Việc thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP thực hiện đối với các vị trí việc làm đã được Chính phủ, Bộ, ngành hoặc pháp luật chuyên ngành quy định. Kết quả rà soát các trường hợp phát sinh vị trí việc làm viên chức mới được tổng hợp, xử lý theo Khoản 2 Mục này.

1.4. Bố trí, xếp bậc nghề nghiệp và thực hiện chuyển tiếp

a) Viên chức được bố trí vào vị trí việc làm nào thì xem xét xếp bậc nghề nghiệp tương ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm đó, căn cứ bản mô tả công việc, khung năng lực và mức độ phức tạp của nhiệm vụ đang đảm nhận; việc bố trí, xếp bậc không vượt quá tỷ lệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp có nhiều viên chức đáp ứng yêu cầu nhưng số lượng vượt tỷ lệ của bậc nghề nghiệp cao nhất, người đứng đầu đơn vị căn cứ yêu cầu vị trí việc làm, mức độ phức tạp của nhiệm vụ, vai trò quản lý hoặc vai trò chủ trì, dẫn dắt chuyên môn để xem xét, bố trí theo quy định.

c) Sau khi bố trí vào bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, trường hợp số lượng thực tế vượt tỷ lệ theo quy định thì cơ quan, đơn vị thực hiện sắp xếp, bố trí để bảo đảm sau ngày 01/7/2027 thực hiện đúng tỷ lệ; trong thời gian xử lý không thực hiện thay đổi bậc nghề nghiệp hoặc tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức đối với vị trí việc làm và bậc nghề nghiệp đã vượt tỷ lệ theo quy định.

d) Sau khi vị trí việc làm được phê duyệt theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP, thực hiện chuyển từ chức danh nghề nghiệp đang giữ sang bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm theo khoản 2 Điều 18 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có hướng dẫn về danh mục vị trí việc làm, hướng dẫn việc xếp lương đối với viên chức thuộc ngành, lĩnh vực hoặc có nội dung khác với quy định tại Nghị định số 232/2026/NĐ-CP thì thực hiện theo hướng dẫn của pháp luật chuyên ngành theo khoản 3 Điều 18 Nghị định số 232/2026/NĐ-CP. Trong thời gian chưa ban hành quyết định phê duyệt mới, các quyết định phê duyệt vị trí việc làm đã ban hành trước đó tiếp tục được áp dụng theo quy định chuyển tiếp.

2. Rà soát, tổng hợp các trường hợp phát sinh vị trí việc làm viên chức mới chưa được Chính phủ, Bộ, ngành quy định

a) Trong quá trình rà soát, xác định vị trí việc làm theo khoản 1 Mục này, các đơn vị đối chiếu chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu công việc thực tế với danh mục vị trí việc làm ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP và danh mục vị trí việc làm theo quy định của pháp luật chuyên ngành; tổng hợp các nhiệm vụ, yêu cầu công việc phát sinh nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công hoặc yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực của Thành phố chưa có vị trí việc làm tương ứng.

b) Không tổng hợp đề xuất bổ sung vị trí việc làm mới đối với trường hợp nhiệm vụ, yêu cầu công việc có thể bố trí vào vị trí việc làm hiện có và được cụ thể hóa trong bản mô tả công việc, khung năng lực hoặc bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm theo quy định.

c) Kết quả rà soát được tổng hợp theo Phụ lục 05 kèm theo Kế hoạch này, trong đó nêu rõ nhiệm vụ, yêu cầu công việc phát sinh; căn cứ giao nhiệm vụ; vị trí việc làm đã đối chiếu; nội dung chưa được vị trí việc làm hiện có bao quát; tên vị trí việc làm dự kiến (nếu có) và cơ quan, đơn vị dự kiến sử dụng. Phụ lục 05 là tài liệu phục vụ tổng hợp, rà soát; không thay thế hồ sơ đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND.

d) Các sở, ban, ngành, cơ quan quản lý trực tiếp và UBND xã, phường rà soát, tổng hợp kết quả của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nội vụ cùng hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm theo khoản 1 Mục này.

đ) Sở Nội vụ tổng hợp, đối chiếu kết quả rà soát; xác định các trường hợp đã có vị trí việc làm phù hợp; trường hợp có thể bố trí vào vị trí việc làm hiện có thông qua việc cụ thể hóa bản mô tả công việc, khung năng lực, bậc nghề nghiệp; trường hợp có cơ sở xem xét đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới theo điểm c Khoản này.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan/người thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Các ĐVSNCL xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực; dự kiến tỷ lệ bố trí viên chức theo bậc nghề nghiệp; rà soát, tổng hợp các nhiệm vụ, yêu cầu công việc phát sinh chưa có vị trí việc làm tương ứng theo khoản 2 Mục III.	1. Danh mục vị trí việc làm được sử dụng trong cơ quan, tổ chức 2. Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm 3. Các bậc nghề nghiệp được sử dụng trong từng vị trí việc làm 4. Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm. 5. Bảng rà soát theo Phụ lục 05 (nếu có).	Các ĐVSNCL; cơ quan quản lý trực tiếp	Trong quý III, IV/2026
2	Các ĐVSNCL hoàn thiện dự thảo, chuẩn bị hồ sơ đề nghị phê duyệt vị trí việc làm gửi cơ quan thẩm định (đối với ĐVSNCL tự đảm bảo chi thường xuyên từ 10% đến dưới 70%; ĐVSNCL do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên)	1. Văn bản đề nghị phê duyệt 2. Hồ sơ	Các ĐVSN	Trong quý III, IV/2026
3	Sở Nội vụ/cơ quan được phân cấp thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền vị trí việc làm theo quy định và phân cấp	1. Công văn (trường hợp nếu phải hoàn thiện hồ sơ) 2. Quyết định phê duyệt	- Sở Nội vụ; - Các Sở, ban, ngành; - UBND xã, phường; - Các ĐVSN.	Quý I/2027

STT	Nội dung	Sản phẩm	Cơ quan/người thực hiện	Thời gian thực hiện
4	Sau khi tổng hợp vị trí việc làm đặc thù, Sở Nội vụ hướng dẫn lập hồ sơ, thẩm định, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định theo Điều 10 Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND.	Hồ sơ đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới; hồ sơ trình HĐND Thành phố (đối với trường hợp đủ điều kiện).	Sở Nội vụ chủ trì; cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp	Sau khi hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.
5	Sau khi có Quyết định phê duyệt vị trí việc làm, các cơ quan, đơn vị rà soát, chuyển tiếp, bố trí viên chức vào bậc nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm	Hoàn thành bố trí viên chức theo quy định	- Các Sở, ban, ngành - UBND xã, phường - Các ĐVSN	Hoàn thành trước 30/6/2027

Việc thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP được thực hiện theo tiến độ của Kế hoạch này. Việc xem xét, đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới theo Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND được thực hiện trên cơ sở kết quả phê duyệt vị trí việc làm và kết quả rà soát, đối chiếu theo khoản 2 Mục III.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Tổ chức rà soát, xác định vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp; xây dựng bản mô tả công việc, khung năng lực; xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp; lập hồ sơ đề nghị phê duyệt và tổ chức bố trí, chuyển tiếp viên chức sau khi vị trí việc làm được phê duyệt theo quy định.

b) Rà soát, tổng hợp các trường hợp phát sinh nhiệm vụ, yêu cầu công việc chưa có vị trí việc làm tương ứng theo khoản 2 Mục III; chịu trách nhiệm về nội dung, căn cứ và kết quả đối chiếu; phối hợp lập hồ sơ đề xuất bổ sung vị trí việc làm mới theo hướng dẫn của Sở Nội vụ đối với trường hợp có đủ căn cứ theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp đơn vị sự nghiệp công lập

Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện Kế hoạch; rà soát, tổng hợp hồ sơ vị trí việc làm theo quy định; kiểm tra, tổng hợp kết quả rà soát các trường hợp phát sinh nhiệm vụ, yêu cầu công việc chưa có vị trí việc làm tương ứng của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý trước khi gửi Sở Nội vụ.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường

Chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý triển khai Kế hoạch; rà soát, tổng hợp hồ sơ vị trí việc làm và kết quả rà soát theo Phụ lục 05 (nếu có), gửi Sở Nội vụ theo quy định và phân cấp.

4. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn việc xác định vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực, xác định tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp; tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm theo quy định và phân cấp.

b) Tổng hợp, rà soát, đối chiếu các trường hợp phát sinh vị trí việc làm viên chức mới chưa được Chính phủ, Bộ, ngành quy định; hướng dẫn cơ quan, đơn vị sử dụng vị trí việc làm hiện có đối với trường hợp đã có vị trí phù hợp; hướng dẫn lập hồ sơ đối với trường hợp có đủ căn cứ đề xuất bổ sung theo Điều 10 Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND; thẩm định, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xem xét, quyết định theo quy định.

c) Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc; báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Chế độ thông tin, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị cập nhật thông tin, dữ liệu về vị trí việc làm và kết quả triển khai vào Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức Thành phố theo quy định; kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định.

Các Phụ lục 01, 02, 03, 04 kèm theo Kế hoạch phục vụ việc xây dựng, phê duyệt và bố trí vị trí việc làm viên chức theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP; Phụ lục 05 phục vụ việc rà soát, tổng hợp các trường hợp phát sinh nhiệm vụ, yêu cầu công việc chưa có vị trí việc làm viên chức tương ứng trong quá trình triển khai.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị chủ động gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Thường trực Thành ủy (để b/c);
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- VPUOTP: CVP, các PCVP, TH, NC;
- Lưu: VT, SNV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn

Phụ lục 01: Mẫu Quyết định

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...¹

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm năm ...² của ...³

.....(THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 232/2026/NĐ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm viên chức;

Căn cứ Quyết định số .../.../QĐ-UBND ngày .../.../2026 của UBND Thành phố ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội

Căn cứ Quyết định số .../.../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND Thành phố về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của

Căn cứ Quyết định số .../.../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu kế hoạch biên chế sự nghiệp

Theo đề nghị của...⁴ về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt vị trí việc làm viên chức của⁵

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm năm ...⁶ của ...⁷

1. Danh mục vị trí việc làm viên chức tại Phụ lục 01.
2. Các bậc nghề nghiệp được sử dụng trong từng vị trí việc làm; tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm tại Phụ lục 02.
3. Danh mục công việc phục vụ tại Phụ lục 03.

Điều 2. ...⁸ có trách nhiệm:

1. ...⁹ ban hành bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm viên chức sử dụng tại ...¹⁰ theo quy định.

2. Thực hiện tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và quản lý viên chức theo quy định và phân cấp. Việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng viên chức phải thực hiện theo đúng danh mục vị trí việc làm, bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định này.

3. Hoàn thành việc bố trí viên chức vào vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định này trước ngày 01 tháng 7 năm 2027.

4. Tiến hành rà soát hồ sơ viên chức; thực hiện chuyển từ chức danh nghề nghiệp đang giữ sang bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm theo quy định và phân cấp.

5. Triển khai việc ký kết hợp đồng thực hiện các công việc phục vụ theo đúng quy định và phân cấp.

6. Trong quá trình triển khai, trường hợp có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức hoặc có vướng mắc, bất cập, đơn vị đề xuất điều chỉnh danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm gửi ...¹¹ tổng hợp, thẩm định, quyết định theo thẩm quyền và phân cấp.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Sau khi bố trí vào bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm, trường hợp có số lượng thực tế vượt quá tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm đã được phê duyệt tại Quyết định này thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc sắp xếp, bố trí để bảo đảm sau ngày 01 tháng 7 năm 2027 thực hiện đúng tỷ lệ theo quy định. Trong thời gian này, không thực hiện việc thay đổi bậc nghề nghiệp hoặc thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận vào làm viên chức đối với vị trí việc làm và bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm đã vượt tỷ lệ theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

..., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-

- Lưu: VT.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ
ký số của cơ quan, tổ chức)*

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản.

^{2, 6} Năm ban hành Quyết định.

^{3,5,7,8,9,10} Tên cơ quan, đơn vị.

⁴ Tổ chức hoặc cá nhân đề nghị ban hành Quyết định.

¹¹ Cơ quan tổng hợp, thẩm định, quyết định theo thẩm quyền và phân cấp.

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC CỦA ...*(tên cơ quan, đơn vị)*
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-... Ngày .../.../2026 của ...)

TT		Vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Thuộc phòng/đơn vị	Trình độ chuyên môn được đào tạo
	I	Vị trí việc làm viên chức quản lý			
1	1	(Người đứng đầu)	QL-01/...	Lãnh đạo...(tên đơn vị)	
2	2	(Cấp phó người đứng đầu)	QL-02/...	Lãnh đạo...(tên đơn vị)	
3	3	Chánh Văn phòng	QL-03/...	Văn phòng	
4	4	Phó Chánh Văn phòng	QL-04/...	Văn phòng	
5	5	Trưởng phòng và tương đương	QL-05/..	(1) Phòng... (2) Phòng	
6	6	Phó Trưởng phòng và tương đương	QL-06/...	(1) Phòng... (2) Phòng	
...	...	...			
	II	Vị trí việc làm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ			
...	1		CMNV-01/...		

TT		Vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm	Thuộc phòng/đơn vị	Trình độ chuyên môn được đào tạo
	2		CMNV-02/...		
	3		...		
	III	Vị trí việc làm viên chức hỗ trợ			
...	1		HT-01/...		
	2		HT-02/...		
	...		HT-03/...		

Ghi chú: QL-01/..., QL-02/..., CMNV-01/..., CMNV-02/..., HT-01/..., KT-02/...: là cách viết tắt mã vị trí việc làm thống nhất dùng chung cho các cơ quan, đơn vị

PHỤ LỤC 02
CÁC BẬC NGHỀ NGHIỆP ĐƯỢC SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ VIÊN CHỨC BỐ TRÍ THEO BẬC NGHỀ NGHIỆP
TRONG TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA ... (tên cơ quan, đơn vị)
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-... ngày .../.../2026 của)

I. Xếp lương theo bậc nghề nghiệp đối với vị trí việc làm quản lý

TT	Vị trí việc làm	Biên chế	Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ hoặc hỗ trợ dùng để xếp lương	Bậc nghề nghiệp	Ghi chú
1	(Người đứng đầu)				
2	(Cấp phó người đứng đầu)				Phụ trách lĩnh vực....
					Phụ trách lĩnh vực...
3	Chánh Văn phòng				
4	Phó Chánh Văn phòng				
5	Trưởng phòng và tương đương				Trưởng phòng ...
					Trưởng phòng ...
6	Phó Trưởng phòng và tương đương				01 Phó Trưởng phòng ...
					01 Phó Trưởng phòng ...
Tổng cộng					

II. Các bậc nghề nghiệp được sử dụng và tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp trong từng vị trí việc làm

[illegible]

B. Vị trí việc làm hỗ trợ															
1															
2															
...															
Tổng cộng (B)															
Tổng cộng (A+B)															

Ghi chú:

- (1) Tỷ lệ viên chức bố trí theo bậc nghề nghiệp bao gồm cả viên chức quản lý và viên chức không giữ chức vụ quản lý
- (2) Ký hiệu "—": bậc nghề nghiệp không có trong khung bậc của vị trí việc làm theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP.

Phụ lục 04: PL 03 kèm theo Quyết định

PHỤ LỤC 03
DANH MỤC CÔNG VIỆC PHỤC VỤ CỦA ...(*tên cơ quan, đơn vị*)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-... ngày .../.../... của ...)

TT	Công việc phục vụ	Số lượng	Thuộc phòng/đơn vị	Ghi chú
1				
2				
...				
Tổng cộng				

**BẢNG RÀ SOÁT NHIỆM VỤ, YÊU CẦU CÔNG VIỆC PHÁT SINH
CHƯA CÓ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC TƯƠNG ỨNG**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND Thành phố Hà Nội)

Tên cơ quan, đơn vị:

TT	Nhiệm vụ, yêu cầu công việc phát sinh	Căn cứ giao nhiệm vụ	Vị trí việc làm hiện có đã đối chiếu	Nội dung chưa được vị trí việc làm hiện có bao quát	Tên vị trí việc làm dự kiến (nếu có)	Cơ quan, đơn vị dự kiến sử dụng	Kết quả rà soát của cơ quan quản lý trực tiếp	Ghi chú
1								
2								
3								

Ghi chú: Phụ lục này được sử dụng để tổng hợp kết quả rà soát trong quá trình xây dựng vị trí việc làm theo Nghị định số 232/2026/NĐ-CP; không thay thế hồ sơ đề xuất bổ sung vị trí việc làm viên chức mới theo Điều 10 Nghị quyết số 51/2026/NQ-HĐND. Tên vị trí việc làm dự kiến chỉ ghi đối với trường hợp sau khi đối chiếu chưa xác định được vị trí việc làm phù hợp trong danh mục do Chính phủ, Bộ, ngành hoặc pháp luật chuyên ngành quy định.